

QUẢN LÝ RỪNG DỰA VÀO NHÓM SỞ THÍCH BẢO VỆ RỪNG TẠI XÃ CAO QUẢNG, HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH¹

*Nguyễn Quang Huy - Chủ tịch Mặt Trận xã Cao Quảng,
Ngô Văn Hồng - Trung tâm Nghiên cứu Kiến thức Bản địa và Phát triển (CIRD)*

I. Giới thiệu

Cao Quảng là một xã vùng cao thuộc huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Xã Cao Quảng nằm xen lẫn giữa các thung lũng đá vôi và các dãy núi thấp phía Đông của dãy Trường Sơn với địa hình thung lũng khá bằng phẳng có chiều dài gần 20 km, chiều rộng bình quân hơn 6 km. Nơi đây tài nguyên rừng chứa đựng nhiều giá trị đa dạng sinh học của các phân hệ động thực vật sinh sống trong các vùng đất thấp và hệ sinh thái núi đá vôi đồng thời có nhiều hang động Kaster nằm trong các dãy núi Đá vôi này như Động Tiên, Hang Chùa Bụt. Trên địa bàn có nguồn sông Nan chảy từ huyện Minh Hóa, chia xã thành hai vùng với nhiều nguồn khe suối nhỏ, một số khe suối được khai thác phục vụ tưới diện tích sản xuất nông nghiệp. Khí hậu điển hình là khí hậu nhiệt đới gió mùa ngoài ra còn chịu ảnh hưởng của gió Lào về mùa khô nên thời tiết khí hậu trong vùng rất khắc nghiệt. Tập quán và nguồn sống của người dân xã Cao Quảng gắn liền với rừng và đất rừng tại đây.

Cũng như nhiều địa phương khác trên cả nước, hoạt động quản lý rừng và đất rừng trên địa phương tỉnh Quảng Bình nói chung, xã Cao Quảng nói riêng có nhiều biến động trong giai đoạn sau năm 1980 trở lại đây. Trong khi đó, giai đoạn từ năm 1980-2000, rừng bị khai thác với tốc độ nhanh chóng bởi các Lâm trường quốc doanh (LTQD) và khai thác bất hợp pháp của các nhóm đối tượng khác nhau nên rừng bị suy giảm nhanh chóng. Thêm vào đó, từ năm 2002-2006, Công ty LCN Bắc Quảng Bình thành lập Lâm trường Cao Quảng quản lý hơn 10.750 ha (chiếm hơn 90% tổng diện tích) so với 11.882 ha tổng diện tích tự nhiên của xã Cao Quảng. Thu nhập của người dân phần lớn phụ thuộc vào rừng (chiếm trên 55%). Đây là giai đoạn đời sống của người dân xã Cao Quảng gặp rất nhiều khó khăn. Để đảm bảo sinh kế, người dân không còn cách nào khác là phải xâm lấn đất và khai thác sản phẩm từ rừng do Lâm trường quản lý, dẫn tới mâu thuẫn, tranh chấp đất đai và làm suy giảm vốn rừng liên tục trong nhanh chóng trong giai đoạn này. Trong giai đoạn này, người dân và chính quyền địa phương liên tục và kiên trì vận động các cấp chính quyền thu hồi toàn bộ hoặc một phần diện tích từ Lâm trường Cao

¹ Tên gọi của các nhóm cộng đồng bảo vệ rừng trong báo cáo UBND xã ngày 20 tháng 7 năm 2012

Quảng để giao cho người dân quản lý, bảo vệ và phát triển kinh tế.

Năm 2006 Lâm trường Cao Quảng bị giải thể và bàn giao lại đất và rừng cho xã Cao Quảng. Năm 2008 thực hiện Dự án lập bản đồ địa chính và giao đất lâm nghiệp cho 6 tỉnh Bắc trung bộ, theo Quyết định 672/QĐ-TTg ngày 26/4/2006, UBND huyện đã giao đất, giao rừng và cấp Giấy CNQSDĐ cho 531 hộ trên tổng số 610 hộ gia đình, với tổng diện tích là 8.450ha theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP. Còn lại 2.300,26 ha rừng phòng hộ do UBND xã quản lý, bắt đầu chuyển sang thời kỳ mới trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nhằm: 1) từng bước ổn định và nâng cao đời sống người dân tại Cao Quảng; 2) đất lâm nghiệp và rừng được quản lý, vào vệ và phát triển phù hợp và hiệu quả.

II. Quản lý và sử dụng đất và rừng từ những năm 60 trở lại đây

Giai đoạn	Diễn giải
Năm 1963-1990	<ul style="list-style-type: none"> - Đất rừng của xã Cao Quảng do Lâm trường Quảng Trạch Quản lý và khai thác. - Người dân canh tác lúa rẫy trên những vùng diện tích đất rừng có độ dốc thấp và đất bằng trong các thung lũng. - Đến năm 1990 hầu hết diện tích rừng do xã quản lý đều bị khai thác chỉ còn lại những cây không có giá trị kinh tế cao.
Tháng 7/1990-1992	<ul style="list-style-type: none"> - Xã Cao Quảng chuyển từ quản lý hành chính của huyện Quảng Trạch sang quản lý hành chính của huyện Tuyên Hóa. - Ngày 19/3/1992 Hội đồng bộ trưởng ban hành chỉ thị số 90 về việc thực hiện những biện pháp cấp bách ngăn chặn nạn phá rừng (chỉ thị đóng cửa rừng) Lâm trường Quảng Trạch ngừng khai thác gỗ và giao trả toàn diện tích rừng của Lâm trường tại khu vực này về cho xã Cao Quảng quản lý
Năm 1992 – 1994	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi có chỉ thị đóng cửa rừng Chi cục kiểm lâm tỉnh Quảng Bình có chủ trương thu gom bì bấp cành ngọn do hậu quả khai thác từ các năm trước. - Trong quá trình thu gom thiếu quản lý chặt chẽ nên việc lợi dụng thu gom để khai thác gỗ vẫn diễn ra.
1994-2000	<ul style="list-style-type: none"> - 2000 ha rừng được giao khoán khoán nuôi bảo vệ theo chương trình Định canh, định cư của tỉnh Quảng Bình cho 80 hộ gia đình, mức khoán bảo vệ là 50.000 đồng / ha / năm. Đến năm 2000, chương trình giao khoán kết thúc và

Giai đoạn	Diễn giải
	<p>toàn bộ diện tích trả về UBND xã Quản Lý;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao khoán trồng rừng theo dự án 327, với tổng diện tích trồng được là 80 ha. Dự án thất bại, nên đến năm 1997 phải tiến hành thanh lý dự án. - Người dân bắt đầu trồng rừng (keo và bạch đàn) tự phát nhưng diện tích không đáng kể. - Tình trạng khai thác lâm sản, đốt than và tận thu các loại gỗ từ rừng vẫn gia tăng bởi người dân trong và ngoài xã Cao Quảng.
2001-2002	<ul style="list-style-type: none"> - Được sự đồng ý của UBND huyện Tuyên Hóa, văn phòng Nghiên cứu Kiến thức bản địa và Phát triển (CIRD), thuộc Trung tâm Nghiên cứu, Hỗ trợ và Phát triển năng lực phụ nữ dân tộc (TEW) tư vấn và hỗ trợ Phòng địa chính (nay là phòng tài nguyên và môi trường), tiến hành giao đất, giao rừng tới hộ gia đình theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP. Chương trình đã thực hiện hoàn thành các hoạt động ngoại nghiệp (nghiên cứu, khảo sát, đo đạc và lập bản đồ, giải quyết xung đột, và xác định ranh giới thực địa); và hoàn thành công việc nội nghiệp (hoàn thành hồ sơ giao đất tới hộ) trình Chủ tịch UBND huyện giao 4.583 ha và cấp Giấy CNQSDĐ cho 365 hộ. - Ngày 16 tháng 9 năm 2002, Sở NN&PTNT ban hành công văn số 851/SNN về việc đề nghị tạm ngừng chương trình hỗ trợ GD-GR tại xã Cao Quảng gửi UBND tỉnh Quảng Bình, nhằm thực hiện Quyết định số 58/2002/QĐ-UB ngày 23 tháng 8 năm 2002 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt đề án đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý các Lâm trường Quốc Doanh. Ngày 30 tháng 9 năm 2002 UBND huyện Tuyên Hoá phê duyệt tạm ngừng chương trình giao đất, giao rừng tại xã Cao Quảng theo công văn số 851/SNN của Sở NN&PTNT Quảng Bình.
2002-2006	<ul style="list-style-type: none"> - Lâm Trường Cao Quảng được thành lập và được giao quản lý 10.750 ha trên địa bàn xã Cao Quảng, trong đó bao gồm 4.583 ha do UBND huyện Tuyên Hóa (phòng địa chính chủ trì), với sự tư vấn và hỗ trợ Trung tâm CIRD, đã hoàn thành các thủ tục giao tới hộ gia đình. Sau khi Lâm trường giao đất, nhưng không thực hiện việc bàn giao đất thực địa giữa Lâm trường và xã Cao Quảng, do đó cả Lâm trường và địa phương đều không rõ ràng về ranh giới. - Mục đích của việc thành lập Lâm trường Cao Quảng là để khai thác gỗ. Tuy nhiên, khi tiến hành điều tra trữ lượng và lập kế hoạch khai thác thì không đạt yêu cầu về trữ lượng, do đó Lâm trường Cao Quảng đã không thực hiện được

Giai đoạn	Diễn giải
	<p>mục tiêu khai thác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lâm trường chuyển sang xây dựng kế hoạch hợp tác (khoán) với người dân trồng rừng và sản, trong đó lâm trường hỗ trợ giống và phân bón; người dân trồng, chăm sóc và bảo vệ. Khi thu hoạch chia tỷ lệ 50:50. Người dân không đồng tình với tỷ lệ phân chia này, nên không hợp tác cùng Lâm trường triển khai. - Đồng thời trong thời gian này, người dân và chính quyền xã Cao Quảng được sự hỗ trợ của CIRĐ liên tục kiến nghị (thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri và họp hội đồng), tham gia các diễn đàn, hội thảo trao đổi về nhu cầu cơ bản trong quần chúng nhân dân về thiếu đất sản xuất và không được phép khai thác lâm sản phụ; trong khi đó Lâm trường quản lý và bảo vệ rừng kém hiệu, không đóng góp sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Người dân kiến nghị thu hồi toàn bộ hoặc một phần đất từ Lâm trường Cao Quảng để giao cho người dân quản lý, bảo vệ và phát triển kinh tế, phát triển rừng (<i>Phục lục: về tiến trình vận động</i>). - Ngày 26/12/2005, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 342/QĐ-TTg về việc chuyển đổi các nông lâm trường tại tỉnh Quảng Bình, trong đó quyết định giải thể Lâm trường Cao Quảng. Ngày 25/12/2006, Công ty lâm công nghiệp Bắc Quảng Bình ra quyết định số 194 về việc giải thể Lâm trường Cao Quảng.
2007-2008	<ul style="list-style-type: none"> - Đất lâm nghiệp tại xã Cao Quảng được giao tới hộ gia đình theo dự án lập bản đồ địa chính và giao đất lâm nghiệp cho 6 tỉnh Bắc trung bộ, theo Quyết định 672/QĐ-TTg ngày 26/4/2006. Dự án hoàn thành vào năm 2008, đã giao và cấp Giấy CNQSDĐ cho 531 hộ /740 hộ gia đình, với tổng diện tích được giao là 8.247 ha. Diện tích còn lại hiện do xã quản lý. - Các hộ chưa được giao bao gồm: 1) hộ người già, neo đơn và không có nhu cầu nhận đất; 2) hộ gia đình đi làm ăn xa; 3) các hộ gia đình mới tách sau năm 2008.
2008-2012	<ul style="list-style-type: none"> - Ngay sau khi được giao đất, 100% số hộ được giao đất đã tiến hành trồng keo (cán bộ xã Cao Quảng gọi là trồng rừng kinh tế), đến hết 7/2012 đã có 933ha đất rừng đã trồng; - Rừng được quản lý theo Nhóm Sở thích quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. - Những vùng rừng giáp ranh với các xã khác do UBND xã Cao Quảng quản lý vẫn bị người ngoài đến khai thác

Giai đoạn	Diễn giải
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp lực vào rừng do nhu cầu sử dụng gỗ rất lớn trong lúc diện tích rừng tự nhiên của các xã xung quanh khu vực Cao Quảng bị giảm xuống, tài nguyên gỗ ngày càng cạn kiệt. - Có hơn 2.300 ha đất rừng phòng hộ hiện do UBND xã quản lý.

III. Hiện trạng quản lý đất rừng tại Cao Quảng

1. Quản lý đất và rừng tại Cao Quảng hiện nay

Theo thống kê đến năm 2012 xã Cao Quảng có tổng diện tích tự nhiên là 11.882 ha (gồm 13 tiểu khu), trong đó:

- Diện tích đất lâm nghiệp là 10.750 ha
- Rừng phòng hộ 2.264,10ha
- Rừng sản xuất 8.486,16ha
- Rừng trồng là 933ha

Diện tích sản xuất nông nghiệp là 410 ha (3,4%), trong đó diện tích trồng lúa 50ha (0,42%). Đất lâm nghiệp và rừng chiếm hơn 90% tổng diện tích tự nhiên toàn xã, nơi tạo nguồn thu nhập chính cho người dân xã Cao Quảng (năm 2012 chiếm trên 55% tổng thu nhập). Đời sống của người dân Cao Quảng gắn liền với sử dụng đất lâm nghiệp và rừng. Năm 2008 thực hiện Dự án lập bản đồ địa chính và giao đất lâm nghiệp cho 6 tỉnh Bắc trung bộ, theo Quyết định 672/QĐ-TTg ngày 26/4/2006, UBND huyện đã giao đất, giao rừng và cấp Giấy CNQSDĐ cho 531 hộ trên tổng số 610 hộ gia đình, với tổng diện tích là 8.450ha theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP. Còn lại 2.300,26 ha rừng phòng hộ do UBND xã quản lý.

Trong 8.450 ha diện tích rừng, có 8.247ha đất rừng đã được giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 531 (chiếm 87% tổng số hộ) trong tổng số 610 hộ², trong đó:

- Số hộ có diện tích >10ha: 01 hộ;
- Số hộ có diện tích 5-10ha: 7 hộ;
- Số hộ có diện tích 3-5ha: 02 hộ;
- Số hộ có diện tích đất <3ha: 520 hộ.

Đến năm 2012 có 130 hộ gia đình (gần 18% tổng số hộ) trong tổng số 740 hộ gia

² Báo cáo thực trạng quản lý bảo vệ rừng Cao Quảng năm 2011

đình chưa được giao đất, giao rừng do chia tách và lập gia đình mới sau thời điểm GDGR năm 2008.

2. Mô hình quản lý đất và rừng dựa vào các Nhóm Sở thích

Năm 2007, toàn bộ diện tích rừng được giao lại cho địa phương từ Lâm trường Cao Quảng và được Chính quyền huyện Tuyên Hóa giao đất, giao rừng và cấp Giấy CNQSDĐ cho các hộ gia đình tại Cao Quảng vào năm 2008. Ngay sau khi được giao đất, giao rừng người dân tại thôn Sơn Thủy đã hình thành Nhóm Sở thích quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Người dân ở đây nhận thức từ thực tế là hoạt động sản xuất lâm nghiệp, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là nhiệm vụ rất khó khăn: 1) địa hình phức tạp, dốc núi, nhiều khe suối; 2) diện tích rừng liền kề với nhiều xã lân cận tạo áp lực người ngoài vào xâm hại rừng; 3) đòi hỏi nhiều lao động, hoạt động ngoài trời và đối mặt nhiều rủi ro, đặc biệt là do thiên tai gây ra. Do đó, để đảm hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hiệu quả, công tác bảo vệ và phát triển rừng cần dựa trên nhu cầu, sự tự nguyện, đảm bảo lợi ích của các thành viên, phải được tổ chức và thực hiện khoa học. Chính vì vậy sự liên kết thông qua Nhóm Sở thích để tạo sức mạnh, cùng phối, kết hợp tổ chức sản xuất, cũng như giải quyết được các khó khăn trong sản xuất. Sau 2 năm, xuất phát từ mô hình tại thôn Sơn Thủy, hiện nay trong xã có 18 nhóm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (có thôn 1 nhóm, có thôn 3 nhóm) và mỗi nhóm từ 8 đến 15 thành viên. Gần 100% số hộ được giao đất, giao rừng đều tham gia các Nhóm Sở thích quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Các nhóm được hình thành trên cơ sở các hộ được giao đất liền kề với nhau và trong điều kiện địa hình đồng nhất chẳng hạn như một quả đồi, một triền núi. Nhiệm vụ chính của các Nhóm là bảo vệ và phát triển rừng như góp công và tiền để làm hàng rào, cử người thường xuyên bảo vệ rừng, ngăn chặn trâu bò phá hoại rừng trồng và phòng chống cháy rừng. Nhóm đồng thời thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng tự nhiên phần từ sườn đồi trở lên đỉnh đồi mặc dù mức độ bảo vệ không thường xuyên như rừng trồng. Trước đây, nếu quản lý theo từng hộ thì các hộ phải rào bao quanh toàn bộ khu rừng trồng, nhưng liên kết theo nhóm các hộ chỉ cần làm hàng rào bảo vệ mặt phía trước mà không phải rào các cạnh liền kề nên chi phí giảm xuống. Công tuần tra rừng cũng giảm xuống thay vì trước đây các hộ phải đi thường xuyên thì nay luân phiên định kỳ tháng từ 1 đến 2 lần tùy theo số lượng thành viên tham gia nhóm. Người dân cũng đổi công trong vụ trồng và chăm sóc rừng. Hoạt động của nhóm được tổ chức và thực hiện theo quy chế do nhóm tự thống nhất. Mỗi nhóm có Nhóm trưởng, Nhóm phó chịu trách nhiệm điều hành hoạt động theo quy chế. Các thành viên của nhóm thống nhất 100.000 đồng/ha/năm làm qui để hỗ trợ các hoạt động tuần tra, bảo vệ rừng; tu sửa hàng rào bảo vệ. Nhiệm vụ của người bảo vệ trâu bò vào phá rừng trồng, phát hiện và tổ chức phòng chống cháy rừng, bảo vệ người ngoài

nhóm vào chặt phá rừng tự nhiên. Khi có người hoặc gia súc xâm hại rừng, tham gia phòng chống cháy rừng thì việc huy động các thành viên trong các Nhóm cùng tham gia kịp thời.

Hiệu quả là rừng bảo vệ tốt hơn trước và cây rừng sinh trưởng nhanh. Người dân và Chính quyền địa phương đánh giá rất cao về hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phát huy được nội lực và giảm chi phí cho người dân. Chính quyền xã Cao Quảng xác định là thành phần chính và tích cực, có chức năng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của xã. Hàng tháng xã thúc đẩy các nhóm tổ chức hội họp, báo cáo về tình hình quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho UBND xã, đồng thời thông qua Nhóm để triển khai các nhiệm vụ khác tới các thôn.

IV. Nhân tố thúc đẩy thành lập các Nhóm Sở thích bảo vệ rừng

1. Bài học từ các Nhóm Sở thích tại Cao Quảng

Từ năm 1998, được sự đồng ý của UBND tỉnh Quảng Bình và UBND huyện Tuyên Hóa, Văn phòng Nghiên cứu Kiến thức Bản địa và Phát triển miền Trung (CIRD), thuộc Trung tâm Nghiên cứu, Hỗ trợ và Phát triển năng lực phụ nữ dân tộc thiểu số (TEW) được tiếp cận và hỗ trợ xác định, xây dựng và thực hiện các hoạt động phát triển cộng đồng³ tại xã Cao Quảng, trong đó mục tiêu cơ bản là tạo cơ hội để người dân được nâng cao năng lực tự quản trị cộng đồng (lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá) thông qua các nhóm cộng đồng, được gọi là Nhóm cùng sở thích như Nhóm Làm vườn, Nhóm Chăn nuôi, Nhóm Tiết kiệm, Tín dụng. Sau 7 năm thực hiện dự án (từ năm 1998-2005), tại xã Cao Quảng đã hình thành các nhóm sở thích làm vườn, chăn nuôi thú y và tiết kiệm tín dụng. Mỗi nhóm sở thích ban đầu có 30 thành viên tham gia, định kỳ hàng tháng các thành viên của nhóm trao đổi kiến thức kinh nghiệm về lĩnh vực mình tham gia. Trung tâm CIRD tham gia tư vấn về phương pháp tổ chức và kiến thức kỹ thuật cho từng nhóm trên cơ sở nhu cầu của hội viên. Các Nhóm Sở thích này không chỉ chia sẻ trên địa bàn xã, mà thường xuyên có hội học hỏi và chia sẻ với các Nhóm Sở thích từ các xã khác trong vùng dự án⁴ do CIRD hỗ trợ. Sau 3 năm vận hành các Nhóm Sở thích, bắt đầu từ năm 1998, các Nhóm Sở thích Làm vườn, Chăn nuôi và Thú y và Nhóm

³ Các hoạt động tập trung vào các mục tiêu: 1) Tạo cơ hội để người dân nâng cao năng lực tự quản trị cộng đồng (lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá) thông qua các nhóm cộng đồng, được gọi là Nhóm cùng sở thích như Nhóm Làm vườn, Nhóm Chăn nuôi, Nhóm Tiết kiệm, Tín dụng; 2) Hỗ trợ người dân khẳng định quyền tiếp cận, quản lý và sử dụng đất và rừng (giao đất, giao rừng và cấp Giấy CNQSDĐ) cho hộ gia đình, đảm bảo người dân có tư liệu sản xuất; 3) Hỗ trợ xây dựng một số công trình xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất như hệ thống đập và tưới tiêu.

⁴ Nhóm Sở thích của các xã khác trên địa bàn 3 huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa và Bố Trạch của tỉnh Quảng Bình và được đi tập huấn, thăm quan, trao đổi và giao lưu với nhiều nhóm cộng đồng trên nhiều địa phương khác nhau của cả nước.

Tiết kiệm và Tín dụng tự đánh giá và nhận thấy Nhóm Tiết kiệm và Tín dụng ngoài mục đích nâng cao kỹ năng quản lý nhóm, thì mục đích chính là hỗ trợ các thành viên phát triển kinh tế thông qua hoạt động làm vườn và chăn nuôi. Bên cạnh đó, Nhóm Làm vườn và Chăn nuôi ngoài hoạt động làm vườn và chăn nuôi, các thành viên cũng thực hành tiết kiệm, tuy nhiên hoạt động này không thực sự hiệu quả như nhóm tiết kiệm-tín dụng. Bên cạnh đó, nhu cầu vay và quản lý nguồn vốn ngày càng lớn nên mô hình tiết kiệm tín dụng giản đơn không phù hợp nữa. Từ thực tế này, ba nhóm quyết định sáp nhập thành Quỹ tiết kiệm-tín dụng Cao Quảng, các hội viên làm vườn, chăn nuôi và tiết kiệm tín dụng trở thành thành viên của Quỹ Tiết kiệm tín dụng. Quỹ đồng thời thực hiện nhiệm vụ tư vấn kỹ thuật và kỹ năng quản lý nguồn vốn cho các thành viên làm vườn, chăn nuôi, gửi tiền tiết kiệm và vay vốn tín dụng. Quỹ Tiết kiệm và Tín dụng huy động được phần lớn hội viên là phụ nữ, nên đã tạo cơ hội cho nhiều chị em được trao đổi và học hỏi lẫn nhau, với bên ngoài.

Năm 2004 các hội viên Quỹ Tiết kiệm và Tín dụng Cao Quảng được thăm quan mô hình quản lý bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng tại Hợp tác xã Lâm nghiệp Trường Sơn, Hương Sơn, Hà Tĩnh. Trong chuyến tham quan này nông dân Cao Quảng được chia sẻ các kinh nghiệm quản lý bảo vệ, quy hoạch đất rừng, đồng quản lý đất hợp tác xã và hộ gia đình phía trong còn các hộ gia đình bao quanh vòng ngoài... là những bài học quý cho người dân. Đồng thời các nông dân nông cốt được tham gia rất nhiều đợt hội thảo về chủ đề quyền sử dụng đất rừng, quản trị rừng, giải quyết xung đột đất rừng... Những cơ hội này đã góp phần nâng cao nhận thức, hình thành tầm nhìn và phương hướng quản lý rừng cho các nông dân nông cốt Cao Quảng. Kinh nghiệm về liên kết hộ gia đình thành lập nhóm cộng đồng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được phiêu thai từ những hoạt động rất hữu ích của các nhóm sở thích này. Hoạt động của Quỹ tiết kiệm tín dụng của xã Cao Quảng vẫn được duy trì hoạt động, nhiều thành viên tiếp tục được vay vốn từ quỹ tiết kiệm tín dụng để đầu tư phát triển rừng. Ngày 29 hàng tháng các nhóm tín dụng họp và định kỳ 6 tháng tổng kết. 9 thôn nộp tiền tiết kiệm và cho vay tín dụng. Tháng nào cũng thu tiết kiệm, thu lãi, trả vốn bình quân mỗi tháng thu tiền tiết kiệm 30 triệu đồng.

Như vậy trong khoảng thời gian hơn 10 năm qua, lãnh đạo Nhóm Sở thích và Quỹ Tiết kiệm và Tín dụng Cao Quảng đã có cơ hội học hỏi và tự đúc rút được nhiều bài học thông qua duy trì và phát triển của Quỹ tiết kiệm-tín dụng, nâng cao sự tự tin, kiến thức và kỹ năng tự quản lý, chủ động và sáng tạo áp dụng các bài học và sáng kiến trong xác định các hoạt động phát triển kinh tế, trồng trọt, chăn nuôi. Đây là những bài học và kinh nghiệm quý giá để người dân và lãnh đạo địa phương áp dụng vào xây dựng mô hình Nhóm Sở thích quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại xã Cao Quảng.

2. Sự năng động, tâm huyết và nhiệt tình của cán bộ lãnh đạo chính quyền địa phương

Sự tâm huyết, năng động, sáng tạo và giám làm giám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo cơ sở là nền tảng quan trọng dẫn đến sự đồng thuận, sự tham gia và đóng góp chủ động và tích cực của người dân, dẫn đến thành công cho các hoạt động tại địa phương, trong đó có hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Giai đoạn từ 1998 đến 2005, hầu hết cán bộ chủ chốt hiện nay trong bộ máy chính quyền xã Cao Quảng, là thành phần ‘nòng cốt’ đã tham gia rất tích cực các chương tập huấn, tham quan trao đổi kinh nghiệm, tham dự các hội thảo và tọa đàm liên quan đến các nội dung về phát triển cộng đồng; bài học về giao đất, giao rừng cho hội gia đình và kinh nghiệm trong quá trình vận động các chủ rừng là đơn vị quốc doanh giao lại đất cho người dân; nhận dạng các hiện tượng xung đột và nguyên nhân liên quan tới quản lý đất và rừng; cách thức tiếp cận và giải quyết triệt để các xung đột giữa các chủ sử dụng đất và rừng, người dân có nhu cầu được giao đất, giao rừng, v.v. Đặc biệt, trong giai đoạn này, các cán bộ và nông dân ‘nòng cốt’⁵ tiên phong và tích cực tham gia vào tiến trình vận động các cấp chính quyền về việc đề nghị Lâm trường Cao Quảng giao lại toàn bộ hoặc một phần người dân tại xã Cao Quảng, quá trình này kéo dài trong 4 năm, từ 2002-2006. Giai đoạn này đã có ảnh hưởng lớn đến các cán bộ và nông dân ‘nòng cốt’ về nhận thức về giá trị quyền sử dụng đất và rừng; sự cần thiết phải được giao đất, giao rừng cho người dân và cộng đồng và mô hình quản lý, bảo vệ và phát triển rừng dựa vào cộng đồng.

Cuối năm 2006 Lâm trường Cao Quảng bị giải thể và giao toàn bộ diện tích đất và rừng cho xã Cao Quảng quản lý. Năm 2008 thực hiện Dự án lập bản đồ địa chính và giao đất lâm nghiệp cho 6 tỉnh Bắc trung bộ, theo Quyết định 672/QĐ-TTg ngày 26/4/2006, UBND huyện đã giao đất, giao rừng và cấp Giấy CNQSDĐ cho 531 hộ trên tổng số 610 hộ gia đình, với tổng diện tích là 8.450ha theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP. Còn lại 2.300,26 ha rừng phòng hộ do UBND xã quản lý. Sau khi được GDGR, đội ngũ cán bộ và nông dân ‘nòng cốt’ cũng là lực lượng tiên phong xúc tiến xây dựng các mô hình liên kết cùng nhau quản lý, bảo vệ và phát triển rừng dựa trên những bài học kinh nghiệm từ mô hình Nhóm Sở thích trước đây, và Quỹ Tiết kiệm và Tín dụng hiện nay tại xã. Mô hình Nhóm Sở thích quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại thôn Sơn Thủy là khởi đầu cho việc nhân rộng ra 18 Nhóm Sở thích hiện nay tại xã Cao Quảng.

V. Hiệu quả mô hình quản lý rừng dựa vào các Nhóm Sở thích

⁵ Cán bộ và nông dân ‘nòng cốt’: ông Nguyễn Văn Tuyên – hiện là Chủ tịch UBND xã Cao Quảng; ông Nguyễn Quang Huy - hiện là Chủ tịch Mặt trận xã Cao Quảng; bà Hoàng Thị Xuân – Trưởng ban Quản lý Qui Tiết kiệm – Tín dụng xã; v.v.

1. Hiệu quả kinh tế

Điều người dân quan tâm nhất và rất thiết thực đối với người dân là nguồn lợi về kinh tế mà người dân thu nhập từ rừng đã mang lại sau khi họ được giao quyền sử dụng đất sử dụng lâu dài, kết quả cho thấy trong hai năm gần đây kể từ khi trồng rừng có bắt đầu có thu nhập đã có rất nhiều hộ gia đình xây dựng được nhà cửa, công trình phụ, chuồng trại chăn nuôi gia súc kiên cố hơn trước đây. Số liệu rừng trồng rừng trên địa bàn xã kể từ năm 2005 đến năm 2011 được miêu tả trong bảng 1:

Bảng 1: Diện tích rừng trồng qua các năm

Năm	Diện tích
Năm 2005:	190,3 ha
Năm 2006	200 ha
Năm 2007	103 ha
Năm 2008	89,7 ha
Năm 2009	113 ha
Năm 2010	84 ha
Năm 2011	153 ha
Tổng	933 ha

Sau một chu kỳ kinh doanh của cây keo (thường 5-7 năm) đến nay rừng đã được khai thác và trồng mới luân kỳ thứ hai, trong hai năm 2011 và 2012 số liệu diện tích rừng đã được khai thác được thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2: Diện tích rừng khai thác

Năm	Diện tích
Năm 2011	250 ha
Năm 2012	138 ha
Tổng	388 ha

Tính bình quân mỗi ha thu nhập được 31 triệu đồng (năm 2011 và 2012), thì tổng thu nhập ước tính 12 tỷ đồng.

Tăng thu nhập từ diện tích rừng trồng (người dân gọi là rừng kinh tế) nên mức sống của người dân nâng cao hơn trước, thúc đẩy người dân tích cực tham gia trồng, bảo

vệ và chăm sóc rừng. Đồng thời, giúp người dân tăng cường và củng cố niềm tin vào nghề rừng có thể mang lại cuộc sống ổn định cho người dân. Không chỉ tiếp tục mở rộng diện tích trồng rừng mà nhiều hộ gia đình nông dân đã áp dụng các biện pháp thâm canh rừng trồng cụ thể là áp dụng triệt để các biện pháp kỹ thuật trồng rừng, thực hiện các biện pháp chăm sóc nuôi dưỡng, bảo vệ rừng hằng năm, đặc biệt là gieo ươm và trồng các loại giống keo dâm hom sinh trưởng nhanh, sinh khối lớn và thời gian thu hoạch ngắn hơn các loại giống keo dai trà khác. Một số hộ gia đình trồng xen canh cây sắn và cây hoa màu trong 2 năm đầu rừng chưa khép tán để lấy ngắn nuôi dài. Chính những giải pháp này là điều kiện cơ bản mang lại lợi ích cao hơn trong sản xuất nông lâm nghiệp tại xã Cao Quảng. Đến nay, bình quân mỗi hộ đã trồng được 1,75ha rừng keo với thu nhập bình quân 31 triệu đồng ha sau năm năm. Trung bình mỗi hộ gia đình thu nhập được 10,9 triệu đồng/năm từ trồng rừng kinh tế. Với điều kiện quỹ đất rừng như hiện nay người dân hoàn toàn có đủ khả năng giảm nghèo và làm giàu từ đất lâm nghiệp và rừng.

Bên cạnh phát triển rừng kinh tế (rừng trồng), diện tích rừng tái sinh tự nhiên cũng đã mang lại nguồn lợi lớn cho người dân từ việc khai thác lâm sản ngoài gỗ và gỗ cho nhu cầu cơ bản của người dân. Các khu rừng dẻ hằng năm đã mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho người dân, tạo việc làm cho phụ nữ, người già và trẻ em qua việc thu nhặt và bán hạt dẻ. Từ khi rừng được giao (năm 2008), rừng tự nhiên được phục hồi và sinh trưởng trở lại, nhiều diện tích rừng nghèo kiệt tái sinh và phát triển thành rừng có trữ lượng trung bình, nhiều loài cây gỗ quý tái sinh và đang được người dân bảo vệ tốt.

Mặt khác, diện tích rừng tự nhiên được tái sinh đóng vai trò rất quan trọng là nâng cao chất lượng rừng và khả năng che phủ đất và nâng cao khả năng phòng hộ và giảm xói mòn đất, duy trì nguồn nước ổn định, nuôi dưỡng và nâng cao độ phì đất, đặc biệt là đối với diện tích 663 ha đất sản xuất nông nghiệp của xã.

Có thể nhận thấy, từ khi rừng được giao lại địa phương, cơ cấu cây trồng và vật nuôi tại Cao Quảng đã thay đổi, đóng góp tích cực làm thay đổi về việc làm và phát triển kinh tế của xã. Tỷ trọng ngành lâm nghiệp tăng lên so với trước đây, thu nhập từ ngành lâm nghiệp năm 2005 trong tổng thu nhập của xã là 16%, đến năm 2011 chiếm 50,8%. Tổng thu nhập toàn xã năm 2005 là năm 5,1 tỷ đồng, đến năm 2011 là 17 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người năm 2005 là 2,970 triệu đồng/người, đến năm 2011 thu nhập bình quân đầu người là 5,760 triệu đồng⁶. Tốc độ tăng trưởng bình quân là 12% / năm.

2. Hiệu quả về bảo vệ môi trường

Sau giai đoạn giao lại rừng từ Lâm trường trở về cho người dân, rừng đã được

⁶ Báo cáo thực trạng quản lý bảo vệ rừng Cao Quảng 2011

phục hồi, độ che phủ rừng tăng lên và một số diện tích rừng đã thay đổi trạng thái, từ rừng nghèo sang rừng trung bình. Các vùng đất trống trước đây do người dân đốt than, phát nương làm rẫy, làm bãi chăn thả đã được trồng rừng kinh tế, do đó thảm thực vật đã có sự thay đổi rõ rệt so với giai đoạn trước năm 2008, tỷ lệ che phủ của rừng trên 90% so với 75%⁷ năm 2005.

Tăng diện tích đất sử dụng hiệu quả, năm 2005 diện tích đất trồng cây hàng năm là 169,5ha, đất lâm nghiệp là 891,3ha, trong đó đất hoang hóa và đất rừng nghèo kiệt 1.993,9ha đến năm 2011 đất trồng cây hàng năm 663,2ha. Đất lâm nghiệp có rừng 9.950,2ha, trong đó đất rừng trồng 1.000ha. Trước năm 2005 gần 1.000 ha đất nông nghiệp có nguy cơ hoang mạc hóa nhưng hiện nay đã trở thành đất sản xuất nông nghiệp⁸.

Quá trình phát triển rừng sản xuất ở đai thấp, chiếm diện tích vừa phải nên đã hạn chế xói mòn trong những năm đầu trồng rừng kinh tế, đồng thời tạo ra sự ổn định của hệ sinh thái do khu vực rừng từ nhiên ở đai cao có khả năng phòng hộ giữ nước lớn và tạo ra tiểu hoàn cảnh phù hợp cho canh tác nông nghiệp ở vùng đai thấp và vùng thung lũng.

3. Hiệu quả về mặt xã hội

Theo thống kê của UBND xã, hiện nay tình trạng chặt phá rừng đã giảm hẳn. So với giai đoạn 2002-2006, đến nay tình trạng chặt phá rừng giảm trên 90%, đặc biệt là vùng đất đã giao cho hộ gia đình được người dân bảo vệ tốt. Riêng vùng giáp ranh giữa xã Cao Quảng và các xã khác vẫn còn hiện tượng chặt phá rừng do xa trung tâm nên rất khó kiểm soát, thường là do người dân ở các xã khác không có việc làm vào rừng để lấy củi hoặc khai thác cây thuốc nam về bán.

Mâu thuẫn trong cộng đồng về áp lực cuộc sống từ rừng đến nay cũng được giảm đáng kể. Mọi người dân đều có rừng để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, có công ăn việc làm từ rừng trồng và rừng tái sinh, nên hầu như đến nay, các mâu thuẫn liên quan đến rừng, đất rừng ở cộng đồng không còn xảy ra. Nhiều công ăn việc làm cho người dân đã được tạo ra. Theo thống kê của địa phương: Con em trong xã từ 15-30 tuổi, các năm trước đây (từ 2005 trở về trước) thường vào rừng khai thác gỗ, lâm sản (chiếm 70%). Tuy nhiên trong năm 2012, tỷ lệ này chỉ còn khoảng 10%. Hiện nay, mỗi gia đình bình quân có từ 5 đến 10 ha rừng trồng, và được trồng theo mô hình cuốn chiếu, vì vậy năm nào gia đình cũng có thu nhập từ rừng trồng. Vì vậy, thời gian dành cho công việc trồng rừng và chăm sóc rừng chiếm hơn 40%. Thời gian rỗi, người dân có thể đi làm thuê cho các chủ mua gỗ nguyên liệu từ rừng trồng như bóc vỏ keo, trà, vận chuyển, khuôn vác. Thời

⁷ Báo cáo quy hoạch sử dụng đất xã Cao Quảng

⁸ Báo cáo Quy hoạch sử dụng đất xã Cao Quảng

gian làm thuê chiếm khoảng 30% và 30% thời gian còn lại phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp. Nguồn thu của gia đình cũng từ đó được tăng lên. Một số con em của xã Cao Quảng vào làm thuê trong các khu công nghiệp phía Nam nay cũng đã trở về quê hương để làm nghề rừng sinh sống. Và rừng đã góp phần giảm nhanh tỷ lệ đói nghèo năm 2005 là 53%, đến năm 2010 tỷ lệ giảm còn 28%.

Thông qua các hoạt động của Nhóm Sở thích quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, ý thức trong từng người dân được tăng cường, tính chia sẻ cũng được nâng cao, tính cố kết trong cộng đồng được thắt chặt. Điều này được thể hiện rõ ý thức, trách nhiệm như: cùng nhau rào bảo vệ các khu rừng trồng, tham gia đôi công trong giai đoạn trồng rừng.

VI. Thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi

- Người dân hiểu giá trị của việc có được quyền sử dụng đất rừng thông qua quá trình dài đất rừng của họ bị thu hồi giao cho Lâm trường Cao Quảng và sau đó được giao trả trở lại cho người dân nên đã có nhiều sáng kiến và tích cực thực hiện các giải pháp quản lý bảo vệ rừng, đặc biệt là giải pháp tập hợp cộng đồng cùng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Lãnh đạo chính quyền và người dân địa phương có nhận thức rõ ràng về lợi ích của rừng, lấy nghề rừng làm trọng tâm phát triển kinh tế nên BCH Đảng bộ, HĐND đề ra nghị quyết và chỉ đạo thực hiện đồng bộ từ cấp xã đến các thôn để thực hiện trong nhiều năm qua.

- Hoạt động của các Nhóm sở thích trước đây và Quỹ Tiết kiệm tín dụng xã Cao Quảng hiện nay mang lại cho người dân, đặc biệt là chị em phụ nữ có nhiều cơ hội để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm làm vườn, chăn nuôi thú y, tiết kiệm tín dụng và các vấn đề liên quan đến phát triển xã hội.

- Phần lớn người dân đã được GDGR, bình quân mỗi hộ được giao từ 10 đến 15 ha. Tổng số có 531 hộ trên tổng số 740 hộ đã được GDGR năm 2008, với diện tích gần 8.300 ha. Trung bình mỗi hộ có từ 3 đến 4 khoảnh, mỗi khoảnh được giao 01 sổ đỏ. Những hộ gia đình chưa được giao đất, giao rừng là do: 1) hộ già, neo đơn nên không có nhu cầu nhận đất và rừng; 2) hộ gia đình đi làm ăn xa; 3) các hộ trẻ mới tách hộ gần đây.

- Giá trị thu được từ rừng rất lớn, tạo công ăn việc làm ổn định, giá trị ngày công lao động cao. Rừng được quản lý tốt đã tăng cường khả năng phòng hộ, sản xuất và ổn định cuộc sống của người dân.

- Phần lớn diện tích rừng tại Cao Quảng được qui hoạch là rừng sản xuất, không có chồng chéo, tranh chấp với các địa phương khác hoặc chủ rừng khác.

2. Khó khăn và thách thức trong quản lý bảo vệ rừng

- Sự liên kết trong các Nhóm sở thích bảo vệ rừng hiện nay rất mong manh, có nguy cơ bị phá vỡ cao, do quy chế hoạt động nhóm chưa đủ mạnh và chưa được pháp luật thừa nhận. Khác với hình thức liên kết của HTX Lâm nghiệp, quyền sử dụng đất của hộ gia đình đóng góp trở thành tư liệu sản xuất của HTX Lâm nghiệp, đối với Nhóm sở thích quyền sử dụng đất thuộc các hộ quản lý và bất cứ thành viên nào đều có thể từ bỏ không tham gia Nhóm Sở thích quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Thu nhập chính của cộng đồng từ rừng hiện nay là bán các sản phẩm rừng trồng, người dân không thể quyết định được giá cả nông, lâm sản mà phụ thuộc vào thị trường. Ở nước ta, thị trường tiêu thụ nông sản luôn phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc, do vậy hiệu quả kinh tế từ rừng trồng cũng hết sức bấp bênh. Mặt khác, cây trồng của người dân ở đây 100% là độc canh cây keo (*Acacia mangum*) chưa đa dạng sản phẩm, nên yếu tố rủi ro rất lớn, đời sống người dân cũng khó ổn định nếu như kinh tế của họ phụ thuộc vào quản lý bảo vệ rừng.

- Có trên 8.000 ha rừng tự nhiên đang được người dân và chính quyền địa phương quản lý, bảo vệ nhưng trong hơn 5 năm qua thu nhập của họ từ bảo vệ rừng không đáng kể. Theo quy định của các văn bản Nhà nước, để người dân có thể khai thác được gỗ trong rừng tự nhiên phải có rất nhiều loại thủ tục, trong đó phải chứng minh được lượng tăng trưởng của rừng do mình đã bảo vệ, để Nhà nước làm căn cứ tính toán tỷ lệ %, người dân được hưởng trên lượng tăng trưởng rừng đó. Nhưng thực tế người dân mới được giao đất mà chưa được giao rừng nên họ không thể đáp ứng được các thủ tục khai thác gỗ của rừng tự nhiên.

- Diện tích rừng tự nhiên nhiều địa phương đang có nguy cơ bị thu hẹp. Quỹ đất và rừng tại xã Cao Quảng rất hấp dẫn với nhiều doanh nghiệp trồng cây công nghiệp như cao su nên việc duy trì diện tích rừng tự nhiên hiện có trong tương lai là vô cùng khó khăn và sẽ phải đối mặt nhiều thách thức.

- Các kiến thức về quản lý bảo vệ rừng, điều chế rừng, kỹ thuật chăm sóc, khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ của người dân xã Cao Quảng còn rất hạn chế. Rừng nếu được khai thác đúng cách thì sẽ mang lại nguồn lợi lâu dài, ngược lại nếu khai thác kiệt thì nhiều loài sẽ mất đi và rừng không mang lại được lợi ích bền vững cho người dân.

- Địa hình rộng và phức tạp, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông chưa được xây dựng, người dân làm nghề rừng chủ yếu đi theo các đường mòn đã được định hình từ trước.

- Rừng tự nhiên vẫn bị chặt phá bởi người trong và ngoài xã, đặc biệt là các khu

rừng giáp ranh với các xã lân cận. Do địa bàn xã Cao Quảng gần với các xã không còn nhiều rừng nên hàng ngày có rất nhiều người dân từ các xã này lén lút đến Cao Quảng để khai thác gỗ hoặc phối hợp với một số người dân Cao Quảng chặt phá rừng tự nhiên.

VII. Đề xuất kiến nghị

- Để tiếp tục duy trì việc bảo vệ rừng được hiệu quả cần phải tiếp tục thúc đẩy và hoàn thiện tổ chức và hoạt động của các Nhóm Sở thích quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Trước mắt, qui chế tổ chức và hoạt động của Nhóm sở thích cần được thể chế hóa thông qua bởi UBND cấp có thẩm quyền, tăng cường trách nhiệm và mức độ liên kết của từng thành viên trong các tổ nhóm bảo vệ rừng. Mặc dù sự liên kết của các thành viên là hoàn toàn tự nguyện nhưng phải luôn có sự giám sát, kiểm tra của lãnh đạo chính quyền địa phương.

- Nhà nước cần hỗ trợ kinh phí hoặc có chính sách pháp lý công nhận kết quả đo đếm trữ lượng rừng do chính người dân thực hiện để tiến hành lập thủ tục giao đất gắn liền với giao rừng. Điều cốt lõi quyết định hiệu quả của công tác quản lý, bảo vệ rừng là người dân được hưởng lợi gì từ rừng. Việc đo đếm trữ lượng rừng là căn cứ pháp lý để tính toán lượng tăng trưởng rừng và lợi ích mà người dân được hưởng từ phần rừng đã tăng trưởng đó.

- Quyền sử dụng đất rừng của người dân cần phải được tôn trọng theo đúng quy định trong hiến pháp và pháp luật, chỉ thu hồi đất khi Nhà nước cần sử dụng vào mục đích như an ninh quốc phòng. Các chủ thể kinh tế trong sử dụng đất đều có quyền bình đẳng như nhau. Không thu hồi tùy tiện như đã từng xảy ra gây thất thoát lãng phí nguồn lực của Nhà nước, suy giảm vốn rừng, suy giảm lòng tin của nhân dân.

- Các hoạt động trồng rừng kinh tế và quản lý rừng tự nhiên phải đặt trong một không gian được tính toán, quy hoạch cụ thể, khoa học và hợp lý, đồng thời phải tuân thủ, giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất một cách chặt chẽ, vận động người dân không được phá vỡ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Có như vậy mới duy trì được diện tích rừng tự nhiên đang có nguy cơ bị chuyển hóa để trồng cây công nghiệp và duy trì tính bền vững của sự liên kết giữa các yếu tố rừng tự nhiên - rừng trồng - canh tác hoa màu - lúa nước như hiện nay.

- Tăng cường hoạt động của mạng lưới nông dân nòng cốt tại xã Cao Quảng để người dân có nhiều cơ hội trao đổi, chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm quản lý bảo vệ rừng, tạo ra nền tảng thúc đẩy và duy trì hoạt động các Nhóm Cộng đồng như hiện nay.

- Tổ chức các đợt đào tạo, tập huấn về quản lý bảo vệ rừng, chăm sóc nuôi dưỡng rừng tự nhiên và thâm canh rừng trồng để nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường

từ rừng và duy trì tính đa dạng sinh học.

- Diện tích đất 2.300,26 ha do UBND xã quản lý cần phải được giao cho người dân trong đó phần đất núi đá vôi, vùng giáp ranh với các địa phương khác cần phải giao cho cộng đồng dân cư thôn quản lý để thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý bảo vệ rừng trong toàn xã Cao Quảng.

- Trong điều kiện địa hình, diện tích, canh tác và không gian sống của người dân Cao Quảng hiện nay có liên quan mật thiết với rừng do vậy cần duy trì tổ chức cuộc sống cộng đồng theo hình thức xã hội lâm nghiệp, lấy nghề rừng làm trục dọc trong cấu trúc cộng đồng, không gian sinh hoạt của người dân phải đặt trong hoàn cảnh mối quan hệ giữa cuộc sống con người với rừng. Cơ cấu hạ tầng phải phù hợp với điều kiện miền núi, quy hoạch và lập kế hoạch sử dụng đất, kiến trúc và các biện pháp canh tác phải phù hợp với xã hội lâm nghiệp, theo địa hình đồi núi mà không nhất thiết phải tạo ra các vùng canh tác rộng lớn như canh tác vùng đồng bằng.

Phục lục: Quá trình vận động để có quyền sử dụng đất của người dân Cao Quảng

Thời gian sự kiện	Sự kiện	Mục đích	Hậu quả/kết quả cuối cùng
Năm 2002	Được sự đồng ý của UBND huyện Tuyên Hóa, Phòng Địa chính đã phối hợp cùng CIRD thực hiện giao đất, giao rừng cho người dân Cao Quảng, trong đó CIRD hỗ trợ và tư vấn về phương pháp tiếp cận, kỹ thuật và tài chính cho GĐGR.	Mong muốn người dân ở gần rừng có đất, rừng để quản lý, bảo vệ và phát triển, tạo thu nhập cho gia đình, đảm bảo ổn định môi trường, kinh tế, xã hội	Giao thực địa đất, rừng cho 356 hộ dân với tổng diện tích 4.583ha
	- Ngày 16 tháng 9 năm 2002 Sở NN&PTNT ra công văn số 851/SNN về việc đề nghị tạm ngừng chương trình hỗ trợ GĐ-GR tại xã Cao Quảng gửi UBND tỉnh Quảng Bình. nhằm thực hiện Quyết định số 58/2002/QĐ-UB ngày 23 tháng 8 năm 2002 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt đề án đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý các Lâm trường Quốc Doanh. - Ngày 30 tháng 9 năm 2002 UBND huyện Tuyên Hoá phê duyệt tạm ngừng chương trình Giao đất, giao rừng tại xã Cao Quảng theo công văn số 851/SNN của Sở NN&PTNT Quảng Bình	Thành lập Lâm Trường Cao Quảng	- Tạm dừng chương trình giao đất do CIRD hỗ trợ; không cấp sổ đỏ cho người dân - Người dân thiếu đất sản xuất trầm trọng, nên gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống, do đó họ thường xuyên vào rừng khai thác lâm sản. Trong khi đó, rừng hầu như không có chủ quản lý, bảo vệ nên rừng bị mất và chất lượng suy thoái

Thời gian sự kiện	Sự kiện	Mục đích	Hậu quả/kết quả cuối cùng
			rừng nhanh và qui mô lớn.
	<p>- Ngày 18 tháng 11 năm 2002 Chủ tịch UBND xã Cao Quảng gửi công văn số 13-2002/TT-UB về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp theo Nghị định 163/CP-NĐ cho các hộ gia đình tại xã Cao Quảng.</p> <p>- Từ ngày 25-30 tháng 11 năm 2002 các thôn họp đề nghị UBND xã, huyện giải quyết quyền sử dụng đất đến từng hộ dân;</p>	Người dân được giao quyền quản lý và sử dụng đất rừng .	- Do UBND tỉnh Quảng Bình có chủ trương cho phép C.ty Lâm Công nghiệp Bắc Quảng Bình thành lập Lâm trường Cao Quảng; do đó UBND huyện Tuyên Hóa không thể tiếp tục giao đất, giao rừng cho người dân tại xã Cao Quảng.
Năm 2003	<p>- Ngày 26/12/2002 CT LCN Bắc Quảng Bình ra Quyết định thành lập Lâm trường Cao Quảng;</p> <p>- Tổ chức bộ máy của Lâm Trường và xây dựng trụ sở làm việc và bảo vệ rừng</p>	Nhằm tổ chức quản lý, bảo vệ và khai thác lâm sản từ rừng	Rừng không được quản lý tốt, do lực lượng lâm trường mỏng, không đủ năng lực để thực hiện đúng vai trò, nhiệm vụ của Lâm trường
	Mạng lưới NDNC Quảng Bình cùng với các điều phối viên mạng lưới tại xã Cao Quảng, họp bàn và xây dựng kế hoạch, chương trình hành động nhằm hỗ trợ và lấy lại đất từ lâm trường về cho người dân tại các xã trong mạng lưới nói chung và Cao Quảng nói riêng	Có được tiến trình, chiến lược rõ ràng nhằm vận động đến các cấp chính quyền hiểu và hỗ trợ giao lại đất từ lâm trường cho người dân.	
	CIRD hỗ trợ tập huấn kỹ năng phân tích chính sách, kỹ năng đàm phán, kỹ năng đánh giá cho điều phối viên.	Nâng cao nhận thức, năng lực, kỹ năng cho ĐPV nhằm phục vụ cho quá trình đàm phán, vận động lấy lại đất cho người dân	- Tổ chức 3 đợt tập huấn về phân tích và vận động chính sách cho điều phối viên 16 điều phối viên có được các kiến thức cơ bản về chính sách, luật đất đai và kỹ năng thuyết trình và khả năng nhìn nhận, phân tích vấn đề tốt.
	Tổ chức các cuộc tọa đàm cấp cơ sở, cấp huyện về thực trạng rừng và đất rừng	Đánh giá thách thức, khó khăn khi người dân không có đất, rừng; Cung cấp các	- Có các báo cáo của hộ gia đình, cộng đồng, các điều phối viên; báo cáo nghiên

Thời gian sự kiện	Sự kiện	Mục đích	Hậu quả/kết quả cuối cùng
		báo cáo tại các hội thảo cấp huyện.	cứu về thực trạng đất, rừng.
	Triển khai xây dựng các mô hình quản lý bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng	Xây dựng các mô hình quản lý, bảo vệ và phát triển dựa vào cộng đồng	Hỗ trợ xây dựng quản lý bảo vệ và sử dụng rừng, đất rừng.
2004-2005	Lâm Trường Cao Quảng triển khai các dự án về hỗ trợ người dân trồng sản Cao Sản/Tre măng cao sản	- Tạo công ăn, việc làm cho cán bộ công nhân Lâm trường. - Cố gắng hợp tác cùng người dân, giảm căng thẳng và xung đột giữa Lâm trường và người dân.	- Các dự án thất bại do không được sự ủng hộ, hợp tác của người dân, do đó Lâm trường không có nhân lực để thực hiện dự án; mặt khác dự án trồng nhưng không được chăm sóc, bảo vệ nên không cho thu hoạch, gây tổn hại đến kinh tế của người dân/tạo thêm bức xúc trong nhân dân
	Giao khoán bảo vệ rừng cho một số hộ gia đình	- Giảm áp lực phá rừng/vi phạm rừng mỏng không đủ khả năng bảo vệ	Các hộ được giao nhận khoán bảo vệ và trồng rừng.
	Ngày 13/11/2004 các hộ dân tiếp tục họp cùng thống nhất đề nghị Trung tâm CIRD trả lời về chương trình hỗ trợ giao đất, giao rừng cho dân. Đồng thời đề nghị các cấp chính quyền địa phương giao đất lâm nghiệp đến từng hộ dân theo chương trình hỗ trợ của Trung tâm CIRD	- Gây áp lực cho chính quyền về việc giải quyết các quyền của người dân sống gần rừng phải có rừng. Thúc đẩy quá trình giao đất	- Biên bản họp thôn có gần 300 chữ ký của người dân được gửi đến cho UBND huyện, Hội đồng nhân dân huyện, tỉnh và Trung tâm CIRD
	Để trả lời câu hỏi của người dân, ngày 15/1/2005 Trung tâm CIRD đã gửi văn bản tới UBND tỉnh Quảng Bình, Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn QB, Sở Ngoại Vụ QB, UBND huyện Tuyên Hóa về việc trả lời các câu hỏi của người dân Cao Quảng và nguồn ngân sách viện trợ 640 triệu cho hoạt động giao đất, giao rừng bị hủy bỏ bởi Quyết định thành lập Lâm Trường Cao Quảng.	- Có được câu trả lời thỏa đáng nhằm tăng niềm tin của nhân dân vào Đảng, Chính quyền, và trả lại quyền sử dụng đất cho người dân.	Công văn được gửi đến UBND tỉnh, các cơ quan ban ngành cấp tỉnh, huyện có liên quan.
	- Từ tháng 3-9/2005. Trung tâm CIRD	Tạo diễn đàn để	Tổ chức 3 hội thảo

Thời gian sự kiện	Sự kiện	Mục đích	Hậu quả/kết quả cuối cùng
	hỗ trợ cho mạng lưới NDNC tổ chức nhiều cuộc hội thảo về đất rừng có sự tham gia của ban ngành cấp huyện	người dân và cán bộ huyện hiểu rõ bức xúc, nhu cầu và mong muốn và giải pháp ổn định đời sống lâu dài cho người dân sống phụ thuộc vào rừng	chuyên đề về thực trạng và các giải pháp trong quản lý, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên tại Hội trường Trung tâm CIRD
	Tháng 9/2005. CIRD phối hợp với Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt nam (VUSTA) tổ chức hội thảo về thực trạng và các giải pháp trong quản lý, bảo vệ bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên tại Quảng Bình.	Tạo cơ hội cho người dân đưa tiếng nói của cộng đồng lên các cơ quan chức năng cấp tỉnh, sở ban ngành liên quan; đối thoại trực tiếp với các nông lâm trường về vấn đề đất đai nói chung, trong đó vấn đề về Cao Quảng nói riêng.	UBND tỉnh, Phó GD Sở NN&PTNT đã giao các GD NLT trong đó có C.ty Lâm Công nghiệp Bắc Quảng Bình đối thoại với các điều phối viên của mạng lưới về: Tình hình hoạt động của lâm trường Cao Quảng.
	CIRD trực tiếp gặp gỡ và làm việc với Lãnh đạo UBND xã, huyện về tình hình đất rừng Cao Quảng	Cung cấp thông tin, bằng chứng về các mô hình quản lý rừng có hiệu quả ở các địa bàn Ngư Hóa, Hóa Phúc cho lãnh đạo địa phương. Hậu quả của lâm trường Cao Quảng để lại cho người dân trao đổi với lãnh đạo huyện, hội đồng cấp tỉnh về giao đất, giữa rừng cho người dân.	UBND xã Cao Quảng liên tục có văn bản gửi tới Lãnh đạo Sở Ngành, UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tuyên Hóa đã nhiều lần trao đổi vấn đề này tại cuộc họp HĐND tỉnh.
	Ngày 26/12/2005 Thủ tướng chính phủ có Quyết định số 342/QĐ-TT về việc chuyển đổi các nông lâm trường Quốc Doanh, và giải thể một số các nông lâm trường hoạt động không hiệu quả, trong đó có lâm trường Cao Quảng		
Năm 2006	Ngày 25/12/2006, thực hiện Quyết định của Thủ tướng, C.ty Lâm Công nghiệp Bắc Quảng Bình ra QĐ số 194 về việc giải thể lâm trường Cao Quảng và trả lại đất về cho UBND xã quản lý	Giao lại đất cho UBND xã quản lý	Lâm trường giải thể và trao trả lại hơn 10.000 ha đất về cho địa phương

Thời gian sự kiện	Sự kiện	Mục đích	Hậu quả/kết quả cuối cùng
Năm 2008	Thực hiện dự án lập bản đồ địa chính và giao đất cho 6 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ theo Quyết định 672/QĐ_TTg ngày 24/4/2006 của Thủ tướng chính phủ; năm 2008 giao đất về cho các hộ dân	Người dân đã cơ bản được giao đất và quy hoạch phân loại theo 3 loại rừng, gồm: Rừng tái sinh, rừng phòng hộ và rừng sản xuất.	Chính quyền địa phương xã, huyện đã hỗ trợ kỹ thuật, giống cho người dân để trồng rừng.